

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 03 “Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2025-2030” thuộc Dự án 07 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12/7/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 03 “Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2025-2030” thuộc Dự án 07 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 03 “Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2025-2030” thuộc Dự án 07 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung tại Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này tiếp tục có hiệu lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (KGVX) (để báo cáo);
- Bộ Công an (V01, C04) (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Vụ HSSV, Vụ GDĐH, Vụ GDPT, Cục GDNNGDTH, VP (TTTT&SK) (để thực hiện);
- Các sở GDĐT, các cơ sở GDĐH, các cơ sở GDNN;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**




---

**Đoàn Trung Kiên**

## Phụ lục

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 03 “Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2025-2030” thuộc Dự án 07 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 2423/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Sửa đổi, bổ sung tên của Kế hoạch tại trích yếu tên Quyết định, Điều 1 và Kế hoạch kèm theo Quyết định như sau: “Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 03 “Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên” thuộc Dự án 07 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030”

2. Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ như sau: “Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12/7/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau: “Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này”.

4. Sửa đổi khoản 2 mục IV phần Kế hoạch như sau:

“2. Ngân sách địa phương”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục V phần Kế hoạch như sau:

**“1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

a) Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch triển khai, phân công, đôn đốc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hằng năm gửi cơ quan chủ Chương trình; trình lãnh

đạo Bộ giao dự toán ngân sách hằng năm cho các đơn vị để triển khai thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với Vụ Học sinh, sinh viên: Xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Tiểu dự án 03 Dự án 07 thuộc Chương trình, sửa đổi, bổ sung (nếu có); xây dựng các báo cáo đánh giá kết quả triển khai định kỳ (tuần, tháng, 06 tháng, 01 năm, giữa kỳ, cuối kỳ...), báo cáo đánh giá đột xuất thực hiện Chương trình khi cần thiết; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

b) Vụ Học sinh, sinh viên

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết và tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đúng quy định.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Tiểu dự án 03 Dự án 07 thuộc Chương trình; sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Chủ trì việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ Học sinh, sinh viên trong Chương trình.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng các báo cáo đánh giá kết quả triển khai định kỳ (tuần, tháng, 06 tháng, 01 năm, giữa kỳ, cuối kỳ...), báo cáo đánh giá đột xuất thực hiện Chương trình khi cần thiết, cập nhật lên hệ thống phần mềm giám sát của Chương trình.

- Chủ trì thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính: Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hằng năm (theo nhiệm vụ được giao) gửi cơ quan chủ Chương trình; xây dựng các kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình tại Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

c) Trung tâm Truyền thông và Sự kiện (Văn phòng)

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết và tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đúng quy định.

- Phối hợp với Vụ Học sinh, sinh viên: Xây dựng các báo cáo đánh giá kết quả triển khai định kỳ (tuần, tháng, 06 tháng, 01 năm, giữa kỳ, cuối kỳ...), báo cáo đánh giá đột xuất thực hiện Chương trình khi cần thiết.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính: Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hằng năm (theo nhiệm vụ được giao) gửi cơ quan chủ Chương trình; xây dựng các kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình tại Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

d) Vụ Giáo dục Phổ thông, Vụ Giáo dục Đại học, Cục Giáo dục nghề nghiệp

và Giáo dục thường xuyên

- Phối hợp với Vụ Học sinh, sinh viên: Xây dựng tài liệu, tổ chức lồng ghép, bổ sung nội dung phòng, chống ma túy vào chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên; xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Tiểu dự án 03 Dự án 07 thuộc Chương trình, sửa đổi, bổ sung (nếu có); thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Mục VI như sau: “Chủ động xây dựng kế hoạch, điều chỉnh nội dung, tiến độ thực hiện, chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương, bảo đảm đúng mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của Tiểu dự án”.

7. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung cột Nội dung tại điểm 5.2 khoản 5 Mục I (năm 2026) như sau: “Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền về phòng, chống ma túy cho đội ngũ cốt cán, cán bộ Đoàn, Câu lạc bộ “Tuổi trẻ phòng, chống ma túy” của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp”.

b) Sửa đổi, bổ sung cột Nội dung tại khoản 10 Mục I (năm 2026), khoản 3 Mục III (năm 2027), khoản 3 Mục IV (năm 2028), khoản 2 Mục V (năm 2029), khoản 3 Mục VI (năm 2030) như sau: “Tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp”.

c) Bãi bỏ nhiệm vụ tại khoản 14 Mục I (năm 2026); khoản 7 Mục III (năm 2027); khoản 6 Mục IV (năm 2028); khoản 7 Mục V (năm 2029); khoản 7 Mục VI (năm 2030).

d) Sửa đổi, bổ sung cột Đơn vị chủ trì tại khoản 15 Mục I (năm 2026), khoản 8 mục III (năm 2027), khoản 7 Mục IV (năm 2028), khoản 8 mục V (năm 2029), khoản 8 Mục VI (năm 2030) như sau: “Trung tâm Truyền thông và Sự kiện (Văn phòng)”.

đ) Sửa đổi khoản 10 Mục IV (năm 2028) như sau:

“Nội dung: Tổ chức sơ kết giai đoạn 2025-2028 thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo tại Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

Đơn vị chủ trì: Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Vụ Học sinh, sinh viên, Trung tâm Truyền thông và Sự kiện (Văn phòng), V01, C04 - Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị liên quan”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Mục VI (năm 2030) như sau:

“Nội dung: Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện các nội dung về giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma

túy đến năm 2030

Đơn vị chủ trì: Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Vụ Học sinh, sinh viên, Trung tâm Truyền thông và Sự kiện (Văn phòng), V01, C04 - Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị liên quan”.

g) Bãi bỏ các cụm từ “năm 2026”, “năm 2027”, “năm 2028”, “năm 2029” trong cột Nội dung tại khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Mục I (năm 2026); khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục III (năm 2027); khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục IV (năm 2028); khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục V (năm 2029); khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục VI (năm 2030)./.